TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2023/DS-ST.
Ngày: 04/01/2023.
"V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.
2. Ông Trần Xuân Tư.

-*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Nông Trường Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2023, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2022/TLST-DS ngày 08/8/2022 về việc: *"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-DS ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Văn C, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 và bà Dương Thị L, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

Ông Chương vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D và bà L lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Phan Văn C thì gia đình ông và gia đình ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L là chỗ quen biết, thân thiết vì vợ ông cùng quê Thái Bình với ông D.

Vào ngày 13/8/2016, vợ chồng ông D ký Hợp đồng tín dụng số: 3829/HĐTD vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày 13/8/2016; thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ phụ thuộc vào giấy nhận nợ, mỗi lần nhận tiền vay là hai bên lập giấy nhận nợ; mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp; lãi suất cho vay trong hạn là 0,8166%/tháng (9,80%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này là khoản vay tín chấp, không có

bảo đảm bằng tài sản nhưng do ông D, bà L tự nguyện giao nên Ngân hàng có giữ của ông bà 02 Giấy chứng nhận quyền sử dung đất (GCNQSDĐ) số BE 808545 và BM 600985. Ngày 15/8/2016, ông D và bà L nhận nợ Ngân hàng 100.000.000 đồng và đến ngày 07/8/2017 thì ông bà đã tất toán số tiền này cả gốc và lãi.

Đến ngày 08/8/2017, ông D và bà L nhận nợ tiếp Ngân hàng 100.000.000 đồng (nợ lần 2) và cũng trong ngày này, ông bà đã trả trước số tiền lãi là 5.036.111 đồng. Đến ngày 12/12/2017, ông bà được Ngân hàng trả lại hai GCNQSDĐ số BE 808545 và BM 600985. Từ sau khi nhận nợ lần hai thì ông bà không trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo cam kết nên Ngân hàng đã thông báo cho ông bà về khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Vì vậy, vào các ngày 31/10/2019 và ngày 30/11/2019, ông D và bà L có ra nhà ông trình bày hoàn cảnh khó khăn nói ông giúp đỡ cho ông bà vay tiền để trả nợ gốc cho Ngân hàng, qua đó để Ngân hàng khoanh nợ nhằm không phát sinh lãi quá hạn nữa, chứ lãi quá hạn cao quá ông bà không trả nổi, ông bà hứa sẽ bán đất để trả nợ cho ông. Do là chỗ quen biết thân tình nên ông đã đồng ý cho ông bà vay hai lần tiền, cụ thể: Vào ngày 31/10/2019, ông cho vay 50.000.000 đồng và ngày 30/11/2019, ông cho vay tiếp 49.500.000 đồng. Do sợ đưa tiền mặt cho ông D, bà L thì ông bà tiêu mất, không trả được nợ cho Ngân hàng nên hai khoản vay này ông đã trực tiếp đứng ra trả nợ cho Ngân hàng thay cho ông bà, ông là người trực tiếp ký tên tại vị trí khách hàng vay trong chứng từ giao dịch trả tiền Ngân hàng thay cho ông bà. Vì suy nghĩ có hai chứng từ này làm cơ sở pháp lý rồi nên ông không yêu cầu ông D và bà L phải viết giấy nhận nợ cho ông. Lý do ông chỉ trả nợ cho ông D, bà L số tiền 99.000.000 đồng nợ gốc mà không trả hết 100.000.000 đồng là vì nếu trả hết thì ông D, bà phải trả tất cả số tiền lãi phát sinh, mà như thế thì ông không đủ tiền cho ông bà mượn để trả gốc và lãi.

Sau khi được ông trả nợ thay thì ông D và bà L không bán đất để trả nợ cho ông theo cam kết mặc dù ông đã nhiều lần đòi. Vì vậy ông đã khởi kiện ra TAND huyện Kbang yêu cầu ông , bà L phải trả ngay cho ông số tiền ông đã cho ông bà mượn để trả nợ gốc cho Ngân hàng tổng cộng là 99.500.000 đồng. Sau khi Toà xử thì ông D, bà L đã có thiện chí liên hệ với ông cam kết trả nợ và đến nay ông bà đã trả nợ xong cho ông số tiền này.

Do ông D và bà L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 500.000 đồng, cùng tiền lãi trong hạn và quá hạn phát sinh nên ông bà lại nhờ ông cho vay tiền tiếp để trả nợ Ngân hàng. Vì thấy ông D và bà L đã có thiện chí trả nợ cho ông số tiền lớn nên ông tin tưởng và nghĩ số tiền còn lại không nhiều, nể nang tình cảm giữa hai gia đình nên ông lại tiếp tục cho ông bà vay và đứng ra trả nợ thay cho ông bà tại Ngân hàng với tổng số tiền cả gốc và lãi là 24.449.363 đồng, việc trả tiền được thực hiện vào ngày 16/4/2021 (gốc là 500.000 đồng, lãi trong hạn là 17.599.575 đồng và lãi quá hạn là 6.349.788 đồng), chứng từ nộp tiền vào Ngân hàng do ông trực tiếp ký nộp và lưu giữ lại.

Tuy nhiên, kể từ khi ông trả tiền thay cho ông D, bà L đến nay thì ông bà không giữ đúng cam kết hoàn lại tiền cho ông, mặc dù ông đã nhiều lần đòi nợ. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông D và bà phải trả ngay cho ông số tiền ông đã cho ông bà vay trả nợ Ngân hàng tổng cộng là 24.449.363 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc để

nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông bà không chấp hành có mặt làm việc.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông D và bà L vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 16/12/2022 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông D và bà L luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phan Văn Chương (bản sao); 01 Giấy CMND mang tên Phan Văn Chương (bản sao); 03 Chứng từ giao dịch ngày 16/4/2021 (bản sao); 01 Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 02/GNN (bản sao); 02 Bảng kê tính lãi (bản chính); 01 Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 và bà Dương Thị L, sinh năm 1985; có cùng địa chỉ tại: Thôn 2, xã ĐăkSmar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua giấy xác nhận về việc tống đạt bản tố tụng cho đương sự.

Ông Phan Văn C, sinh năm 1965, có địa chỉ tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do ông C giao nộp là Sổ hộ khẩu đứng tên Phan Văn C (*bản sao*) và Giấy CMND mang tên Phan Văn C *(bản sao).*

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 179, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 280, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L phải trả cho ông C tổng số tiền nợ là 24.449.363 đồng.

Buộc ông D và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Nguyên đơn ông Phan Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L phải trả cho ông số tiền nợ tổng cộng là 24.449.363 đồng. Ông C là chủ thể có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem

xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2]. ***Về nội dung giải quyết vụ án:***

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là ba chứng từ giao dịch ngày 16/4/2021 có nội dung tên khách hàng trả nợ gốc, trả nợ lãi trong hạn và quá hạn tổng cộng là 24.449.363 đồng là của ông Nguyễn Văn D, CMND số: 230832733, ngày cấp 10/01/2007, nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai nhưng ở phần dưới của chứng từ này ở phần chữ ký của khách hàng trả tiền lại là ông C ký và ghi rõ họ tên Phan Văn C. Xét chứng cứ là ba chứng từ giao dịch nêu trên cùng một số chứng cứ khác do ông Chương giao nộp là các bản sao có xác nhận của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai nên có giá trị pháp lý cao. Qua đó, có thể xác định rằng ông D và bà L có vay của ông C và ông C đứng ra trả nợ thay cho ông D, bà L tại Ngân hàng với tổng số tiền cả gốc và lãi là 24.449.363 đồng, việc trả tiền được ông C thực hiện vào ngày 16/4/2021, bao gồm: Nợ gốc là 500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.599.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.349.788 đồng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà L không hợp tác làm việc nên Toà án không thể tống đạt trực tiếp giấy tờ được, sau đó ông bà thường xuyên thay đổi chỗ ở, nơi cư trú gây khó khăn cho việc tống đạt giấy tờ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông bà luôn vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có nợ của ông Chương nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ, buộc ông D và bà L phải trả cho ông C số tiền nợ tổng cộng là 24.449.363 đồng.

[3]. ***Về án phí:*** Do yêu cầu của ông C được chấp nhận toàn bộ nên ông không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho ông số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông D và bà L phải chịu án phí DSST theo quy định là 611.534 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95,96, 108, 144, 147, 179, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L phải trả cho ông C số tiền nợ tổng cộng là 24.449.363 đồng (*hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng*).

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi ông D, bà L thi hành xong khoản tiền nợ nói trên thì hàng tháng ông D và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L phải chịu án phí DSST là 1.222.468,15 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Văn C số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 611.534 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003587 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên